

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 126 /SYT-TCCB
V/v thực hiện Quyết định tinh giản
biên chế 06 tháng đầu năm 2018

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc

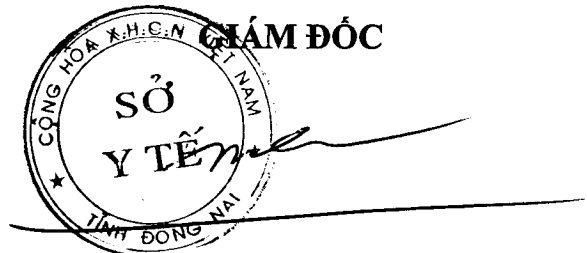
Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức tinh giản biên chế 06 tháng đầu năm 2018.

Sở Y tế đề nghị Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc ban hành Quyết định giải quyết nghỉ hưu trước tuổi và thực hiện chi trả chế độ cho viên chức thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế 06 tháng đầu năm 2018 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt./.

(Đính kèm danh sách)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc SYT;
- Website SYT;
- Lưu: VT, TCCB.



Huỳnh Minh Hoàn



DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
(Đính kèm công văn số 126 /SYT-TCCB ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị công tác	Thời điểm tính giảm biên chế	Được hưởng chính sách		Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Kinh phí cơ quan chi từ ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí
					Nghi hưu trước tuổi	Thôi việc ngay			
1	Nguyễn Thị Huệ	15/11/1965	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc	01/02/2018	x		84,671,714		84,671,714
TỔNG CỘNG							84,671,714	0	84,671,714

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Số: 52 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức
tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Công văn số 6651/BNV-TCBC ngày 19/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế của tỉnh Đồng Nai 6 tháng đầu năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 06/TTr-SNV ngày 02 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2018 cho 11 trường hợp viên chức thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (có danh sách kèm theo).

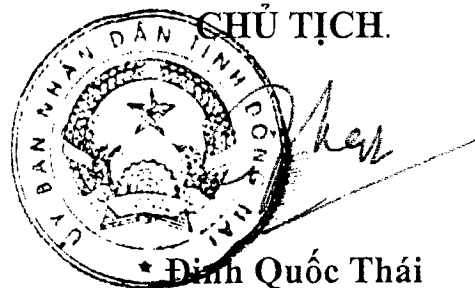
Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phê duyệt danh sách chịu trách nhiệm ban hành Quyết định giải quyết nghỉ hưu trước tuổi cho các viên chức thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế đã được phê duyệt.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát và quyết toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để chi trả chế độ cho các đối tượng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Bản hành kèm theo Quyết định số 52 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Đơn vị	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách		Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Kinh phí cơ quan chi từ ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ Hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí
					Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Khối sự nghiệp								
1	Nguyễn Thị Huế	15/11/1965	Sở Y tế	01/02/2018	X		84,671,714		84,671,714
2	Thái Văn Phương	02/9/1961	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01/01/2018	X		146,303,000	146,303,000	
3	Trần Thị Bảo	05/6/1967	Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất	01/01/2018	X		169,543,656		169,543,656
4	Hồ Kim Phương	25/6/1967	Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất	01/01/2018	X		113,553,475		113,553,475
5	Hoàng Đức Huệ	02/5/1960	Ủy ban nhân dân thị xã Long Khánh	01/01/2018	X		173,968,000		173,968,000
6	Ca Thị Riêm	29/11/1965	Ủy ban nhân dân huyện Định Quán	01/01/2018	X		114,362,500		114,362,500
7	Nguyễn Thị Mỹ Phương	04/10/1966	Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ	01/01/2018	X		168,892,128		168,892,128
8	Hoàng Thị Khuyến	23/9/1965	Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ	01/02/2018	X		65,150,685		65,150,685
9	Trịnh Văn Cấn	12/12/1962	Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ	01/3/2018	X		195,920,643		195,920,643
10	Đặng Thị Quả	01/12/1965	Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ	01/6/2018	X		86,074,545		86,074,545
11	Đoàn Tiến Đạt	01/6/1962	Ủy ban nhân dân huyện Long Thành	01/01/2018	X		150,509,476	150,509,476	
	Tổng cộng						1,468,949,821	296,812,476	1,172,137,345

- Danh sách bao gồm 11 người